

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 8 - 2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

- *T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Việt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Công Định

Ông Hoàng Văn Vương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Bảo Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:* Ông Hữu Duy Khánh – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 163/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị D, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp Q, xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Mai Thiên T là Luật sư T viên Văn phòng luật sư Huỳnh Q thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Quách Công T, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp Q, xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/5/2019, nguyên đơn chị Trịnh Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Quách Công T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 19/6/2013 tại Ủy ban nhân dân xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chung sống không có hạnh phúc nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2018 đến nay.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung là cháu Quách Chí T, sinh ngày 09/12/2011, hiện tại chị đang nuôi dạy cháu.

Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn; về con chung chị yêu cầu được nuôi dạy cháu T và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật; về tài sản chung và nợ chung là không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/5/2019, bị đơn anh Quách Công T trình bày:

Anh thống nhất với trình bày của chị Trịnh Thị D về hôn nhân, con chung và tài sản chung giữa hai người.

Anh thống nhất ly hôn với chị D; về con chung anh yêu cầu được nuôi dạy cháu Thiện, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung là không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng và đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Tại bản luận cứ bảo vệ ngày 31/7/2019, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Chị D và anh T tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn năm 2013, trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không còn tình cảm với nhau, do chung sống không có hạnh phúc nên vợ chồng sống ly thân, mâu thuẫn giữa hai người đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên giải quyết cho chị D và anh T ly hôn là phù hợp. Về con chung, chị D và anh T có một con chung là cháu Quách Chí T, sinh ngày 09/12/2011, hiện chị D đang nuôi dạy cháu, đồng thời cháu có nguyện vọng được chung sống với chị D, do đó giao T cho chị D tiếp tục nuôi dạy là phù hợp. Đối với tài sản chung chị D và anh T không ai yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đúng với quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận khởi kiện của chị D yêu cầu ly hôn với anh T; về con chung giao cháu T cho chị D nuôi dạy, anh T cấp dưỡng nuôi cháu T hàng tháng 745.000 đồng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi; về tài sản chung không ai yêu cầu giải quyết nên không xét; chị D chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng, anh T chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Tòa án đã triệu tập xét xử hợp lệ, nhưng tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, người bảo vệ quyền lợi của nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người tham gia tố tụng tại vụ án.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trịnh Thị D và anh Quách Công T được xác lập hợp pháp, thể hiện là anh chị tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 19/6/2013 tại Ủy ban nhân dân xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống giữa chị D và anh T phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chung sống không có hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân như lời trình bày của chị D và người bảo vệ quyền lợi của chị là thực tế có xảy ra. Điều này phù hợp với biên bản xác minh của Tòa án về tình trạng hôn nhân của anh chị. Kể từ khi anh chị xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân đến nay với thời gian dài, mặc dù đã được gia đình hòa giải nhưng không hàn gắn được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để anh chị hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay chị D yêu cầu ly hôn và anh T cũng đồng ý. Điều đó chứng tỏ mối quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được

nên giải quyết cho anh chị ly hôn là phù hợp với thực tế. Vì vậy, chị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị D và anh T có một con chung là cháu Quách Chí T, sinh ngày 09/12/2011. Cháu T hiện chưa T niên, kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay chị D là người trực tiếp nuôi dạy cháu vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt, cuộc sống của cháu đã ổn định, đồng thời cháu hiện nay đã trên 07 tuổi, tại biên bản ghi nguyện vọng của cháu ngày 15/5/2019 cháu có nguyện vọng được chung sống với chị D, do đó giao cháu T cho chị D tiếp tục nuôi dạy là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh T không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, do anh T hiện tại là nghề nghiệp lao động phổ thông nên lấy mức cấp dưỡng theo khả năng thực tế, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Thiện hàng tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ bản hiện hành (mức lương cơ bản 1.490.000 đồng/tháng) với số tiền 745.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu T mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị D và anh T xác định không có tài sản chung và nợ chung, các đương sự không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Chị D chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ngày 03/5/2019, chị D nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu án phí. Anh T chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 53, 55, 81, 82, 83, 110, 116, 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận khởi kiện của chị Trịnh Thị D yêu cầu ly hôn với anh Quách Công T.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị D và anh Quách Công T.

Về con chung: Giao cháu Quách Chí T, sinh ngày 09/12/2011 cho chị Trịnh Thị D tiếp tục nuôi dạy. Anh Quách Công T có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Quách Chí T mà không ai được cản trở.

Anh Quách Công T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Quách Chí T hàng tháng với số tiền 745.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 12/8/2019 cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

Kể từ khi bản án có hiệu lực, chị D có đơn yêu cầu thi hành án, anh T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền đã nêu thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị D phải chịu 300.000 đồng. Ngày 03/5/2019, chị D nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006109 tại Chi

cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu án phí. Anh T chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Trịnh Thị D và anh Quách Công T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- CCTHADS huyện Thới Bình;
- UBND xã Biên Bạch Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP TANDHTB.

Bùi Văn Việt